|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 98/2018/NQ-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2018* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội**

**tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TÌNH HÀ TĨNH**

**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020;*

*Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1786/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 11 năm 2012 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Quyết định 524/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 4 năm 2015 phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, qui mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa thông tin, môi trường; Quyết định 488/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2017 phê duyệt Đề án “Đổi mới phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;*

*Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 230/TTr-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Mục tiêu tổng quát

Củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; mở rộng quy mô tiếp nhận, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và đa dạng hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội, đáp ứng nhu cầu của người dân, hướng đến mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Củng cố, mở rộng, nâng cấp, xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập; khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội;

b) Đến năm 2020, có 50% số người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ từ các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó tối thiểu 10% được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội;

c) Đến năm 2025, có 70% số người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ, trong đó tối thiểu có 30% được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội và đến năm 2030 có 90% số người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ, trong đó tối thiểu có 50% được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

**Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Đối tượng: Hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập nuôi dưỡng, điều dưỡng đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng cai nghiện phục hồi của tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm:

a) Trung tâm điều dưỡng người có công - bảo trợ xã hội; Làng trẻ em mồ côi; Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; Cơ sở chăm sóc người khuyết tật; Cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp; Trung tâm công tác xã hội và các cơ sở trợ giúp xã hội khác;

b) Cán bộ, nhân viên các cơ sở trợ giúp xã hội;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi: Hệ thống mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Chương II**

**PHƯƠNG ÁN CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG**

**CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

**Điều 3. Giai đoạn 2018 - 2025**

1. Rà soát, sắp xếp, bổ sung chức năng nhiệm vụ nâng cao năng lực hoạt động các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, ngoài công lập; sát nhập Quỹ bảo trợ trẻ em - Văn phòng công tác xã hội vào Trung tâm dạy nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm cho người tàn tật Hà Tĩnh thành Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em, tư vấn, giáo dục nghề nghiệp, chăm sóc nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

2. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng cao năng lực hoạt động 08 cơ sở trợ giúp xã hội (04 cơ sở công lập và 04 cơ sở ngoài công lập) hiện có và khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (thành lập mới ít nhất 02 cơ sở trợ giúp ngoài công lập); nâng tổng quy mô công suất tiếp nhận giai đoạn 2018 - 2020: Nuôi dưỡng 492 đối tượng, tư vấn, hỗ trợ tại cộng đồng 3.908 đối tượng; giai đoạn 2021 - 2025: Nuôi dưỡng 1.620 đối tượng; tư vấn, hỗ trợ tại cộng đồng 5.216 đối tượng), cụ thể:

a) Củng cố, nâng cấp, mở rộng và đầu tư trang thiết bị Trung tâm điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh tại cơ sở 1, đạt quy mô công suất tiếp nhận đối tượng lên 300 người. Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị tại cơ sở 2 (đầu tư xây dựng giai đoạn II), đạt công suất điều dưỡng từ 120 lên 240 giường, tăng quy mô điều dưỡng lên 6.000 lượt đối tượng.

b) Làng trẻ em mồ côi: Đầu tư kinh phí bổ sung trang thiết bị; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng cơ sở, đạt quy mô công suất tiếp nhận nuôi dưỡng 200 đối tượng.

c) Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội: Đầu tư mua sắm trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất đối với cơ sở cai nghiện ma túy; xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chăm sóc phục hồi chức năng cho người tâm thần kinh, rối nhiễu tâm trí.

d) Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em, tư vấn, giáo dục nghề nghiệp, chăm sóc nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho người khuyết tật: Đầu tư mua sắm trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, tư vấn, trợ giúp, phục hồi chức năng cho người khuyết tật, đạt quy mô công suất tiếp nhận phục vụ tại cơ sở là 100 - 300 đối tượng.

đ) Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập: Hỗ trợ đào tạo cán bộ, nhân viên về nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng phục vụ, nhận thức về các quy định của pháp luật và tài liệu liên quan đến lĩnh vực bảo trợ xã hội cho Mái ấm Thiên Ân- thành phố Hà Tĩnh; Trung tâm phát triển giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật Hồng Lĩnh; Cơ sở chăm sóc người già cô đơn và trẻ mồ côi Hương Khê; Trung tâm nuôi dưỡng, phục hồi chức năng và dạy nghề cho nạn nhân chất độc da cam/Đioxin Hà Tĩnh;

e) Phát triển mới: Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới, ít nhất là 02 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (01 cơ sở chăm sóc người cao tuổi với quy mô tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng 300 người và 01 cơ sở phục hồi chức năng cho người khuyết tật, với quy mô tiếp nhận nuôi dưỡng, phục hồi 150 người).

**Điều 4. Giai đoạn 2026 - 2030**

Giai đoạn 2026- 2030, tiếp tục rà soát, nâng cấp, điều chỉnh bổ sung chức năng nhiệm vụ các cơ sở công lập, đồng thời sát nhập một số cơ sở thành Trung tâm trợ giúp xã hội đa năng và phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; phấn đấu đến năm 2030 có 100% các huyện, thành phố, thị xã đều có cơ sở trợ giúp xã hội; nâng tổng công suất tiếp nhận, nuôi dưỡng lên 3.320 đối tượng; tư vấn, hỗ trợ tại cộng đồng 6.885 đối tượng.

(*Phụ lục số 01)*

**Điều 5. Nhiệm vụ, giải pháp**

1. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp phép hoặc thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội để đảm bảo tất cả các cơ sở trợ giúp trên địa bàn tỉnh được thành lập theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Xây dựng, ban hành hệ thống quy chế, quy định nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về tổ chức hoạt động trợ giúp xã hội; đồng thời thường xuyên kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

3. Xây dựng hệ thống các chính sách ưu đãi đặc thù của tỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng, thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập nhằm khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho các cấp uỷ đảng, chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân trên địa bàn hiểu rõ về vị trí, vai trò quan trọng của các cơ sở trợ giúp xã hội; khuyến khích phát triển các hình thức chăm sóc thay thế tại cộng đồng.

5. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và của các Bộ, ban, ngành Trung ương huy động lồng ghép nguồn lực thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch đầu tư thực hiện Đề án phát triển hệ thống các cơ sở trợ giúp xã hội.

6. Đổi mới hình thức, cơ chế cung cấp dịch vụ trợ giúp của các đơn vị sự nghiệp công lập; ưu tiên hoạt động cung cấp các dịch vụ trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm đối tượng có nhu cầu khác theo cơ chế tự nguyện, có trả phí.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên và người lao động đối với các cơ sở công lập; Ưu tiên tuyển chọn những sinh viên được đào tạo theo các chuyên ngành y tế, giáo dục, công tác xã hội, tâm lý xã hội,... có tâm huyết, nhiệt tình vào làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập

*(Phụ lục số 02).*

**Điều 6. Một số cơ chế chính sách cụ thể**

1. Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo hướng cấp kinh phí theo số lượng đơn giá dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, không cấp phát ngân sách theo định mức biên chế và quĩ lương. Phấn đấu đến năm 2025 có 50% các cơ sở trợ giúp xã hội công lập tự chủ 100% về kinh phí hoạt động.

a) Bổ sung chức năng nhiệm vụ thực hiện các hoạt động dịch vụ có thu cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

b) Áp dụng định mức chi phí chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ; cơ cấu tiền lương, tiền công vào giá dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; dự tính giai đoạn 2021- 2025 các cơ sở trợ giúp xã hội đạt 70% các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Tương ứng với điều kiện đảm bảo, phương thức tính giá dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng theo tỷ lệ % chi phí theo quy định: Giai đoạn 2018-2020: 50% chi phí; giai đoạn 2021-2025: 70% chi phí.

*(Phụ lục 03, 04 và 05)*

2. Ngân sách tỉnh cấp bù kinh phí: Đối với nhóm đối tượng người có công với cách mạng, người hưởng lương hưu trí, trợ cấp xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không nơi nương tựa được chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội có mức thu nhập thấp hơn mức chi phí dịch vụ.

3. Hỗ trợ kinh phí tổ chức đưa đón đối tượng người có công với cách mạng đang điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng người có công - Bảo trợ xã hội đi tham quan, các địa chỉ đỏ, thăm lại chiến trường xưa. Hàng năm, căn cứ vào số lượng đối tượng đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở Bảo trợ xã hội, đơn giá dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cơ sở Bảo trợ xã hội lập dự toán trình sở Tài chính cấp phát kinh phí.

4. Thực hiện chính sách xã hội hóa đối với các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật, cụ thể:

a) Ưu tiên bố trí quỹ đất, xây dựng cơ sở vật chất, chính sách ưu đãi về tín dụng, huy động vốn, xử lý tài sản khi chuyển đổi hình thức hoạt động … được quy định Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và Nghị định số 59/NĐ-CP, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 1470/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, qui mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa thông tin, môi trường;

b) Được thực hiện các gói dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng xã hội thuộc trách nhiệm nhà nước chi trả kinh phí như các cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

c) Các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thành lập mới được hưởng các chính sách nêu trên và được hỗ trợ kinh phí thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào và một phần kinh phí đầu tư xây dựng với mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đảm bảo kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án đã được Chính phủ phê duyệt: Đề án Phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 32/2010/QĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 3924/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ (Kế hoạch số 335/2013/KH-UBND, ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 1215/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (Kế hoạch số 80/2013/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS theo Quyết định số 647/2013/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (Kế hoạch số 107/KH-UBND, ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: *(Phụ lục 06)*.

**Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí đầu tư: 379.190,0 triệu đồng (Trung ương: 92.334 triệu đồng; địa phương: 60.000 triệu đồng; nguồn xã hội hóa: 226.856 triệu đồng).

a) Giai đoạn 2018-2025: 261.139 triệu đồng (Trung ương: 65.396 triệu đồng; địa phương: 37.000 triệu đồng; vận động xã hội: 158.743 triệu đồng);

b) Giai đoạn 2026-2030: 118.051 triệu đồng (Trung ương: 26.938 triệu đồng; Địa phương: 23.000 triệu đồng; vận động xã hội: 68.113 triệu đồng).

2. Kinh phí hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội:

Tổng số: 21.800,0 triệu đồng (Trung ương: 6.700 triệu đồng; địa phương: 9.800 triệu đồng; vận động xã hội: 5.300 triệu đồng).

*(Phụ lục 07, 08, 09)*

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khoá XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Ban Công tác đại biểu UBTVQH;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;  - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;  - Kiểm toán nhà nước khu vực II;  - Bộ Tư lệnh Quân khu IV;  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng Tỉnh uỷ;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Văn phòng HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;  - Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;  - Trang thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Lê Đình Sơn** |